

## Vài lời mở đầu của web Hội Tự :

Trọn bộ Hồi ký của cựu Đại tá Vương văn Đông được tác giả gửi tặng anh Nguyễn văn Hóa (từ lúc anh còn phụ trách trang web giaodiem.com), nhưng bởi anh NVH không đồng ý với một số quan điểm lịch sử thiên lệch của ông Vương văn Đông (và thành phần của Đại Việt-Bắc kỳ này...) Nay trong hoàn cảnh thuận lợi anh NVH đã chuyển giao cho web Hội Tự, để được đăng trọn bộ theo nguyện vọng của ông của ông VVĐ.

Đọc Hồi ký của VVĐ, cũng sẽ làm cho một số độc giả có tinh thần quốc gia không chấp nhận Cộng sản sẽ không đồng ý về thái độ biện hộ cho Mặt trận Giải phóng Miền Nam và coi họ như là thành phần nạn nhân của Cộng sản Bắc Việt. « Nạn nhân » hay nói cho đúng nghĩa hơn là tay sai, một thứ tay sai đặc lực và sắt máu chỉ muốn nuốt chửng các chính thể miền Nam VN chứ không riêng gì chế độ của TT Diệm hay TT Thiệu. Ông Nguyễn thanh Hiệp đã nhận xét đúng, vì toàn bộ cuốn Hồi ký này là nhằm « lột trần » tính phi chính nghĩa của các chính thể miền Nam VN... Nhưng chính vì quan điểm này cho nên tên Cộng sản Nguyễn cơ Thạch (Bộ trưởng Ngoại giao thời đó, thân phụ của tên Nguyễn tâm Chiến, Đại sứ Cộng sản Bắc Việt tại Mỹ vừa mới được giải nhiệm) mới chấp nhận cùng ngồi đối diện để nói chuyện về giải pháp chính trị hòa hợp hòa giải. Trong đạo thu xếp gặp gỡ giữa nhóm VVĐ gặp gỡ với Nguyễn cơ Thạch ở Paris, chúng ta còn thấy thấp thoáng vài bóng dáng đi theo làm « tà lọt » cho Cơ Thạch như Nguyễn hữu Liêm (luật sư), Trần văn Ân, Bùi Tín và nhóm Thông Luận v.v... Nhưng kết quả của « tuồng » hòa giải giữa nhóm Đại Việt (Bắc kỳ) của VVĐ với Cộng sản như thế nào chúng ta đã rõ.

Rải rác trong Hồi ký, chúng ta sẽ thấy VVĐ chỉ trích, phê bình, « hạ thấp » một số thành phần quân sự cao cấp dưới chế độ TT Diệm (gốc miền Trung) như Nguyễn chánh Thi (cựu Trung tướng) v.v... và đã chỉ trích ông Thi là « gian xảo » nhân sự kiện đảo chánh ngày 11/11/60. Chúng tôi (Hội Tự) sẵn lòng đăng tải những lời lên tiếng của ông Nguyễn chánh Thi, nếu có sự yêu cầu. Thêm nữa, ông VVĐ đã chỉ trích chính sách của Tổng thống Diệm là thiên vị về « Cần Lao, Công giáo, và người Trung kỳ », có lẽ để nhằm biện minh cho ông là thành phần di cư 54, khỏi mang tiếng là chịu ân nghĩa với chế độ TT Diệm. Điểm này thì chúng tôi hoàn toàn không đồng ý, và sẽ đăng tải vài tài liệu lịch sử có quan điểm ngược lại.

Một điểm lý thú khác là ông VVĐ còn cho biết trong biến cố đảo chánh TT Diệm ngày 11/11/60, một sĩ quan thân cận của nhóm ông đã đòi bắn chết ông Đỗ Mậu. Chúng tôi thấy thú vị về giai thoại này, vì giả dụ như ông Đỗ Mậu bị nhóm VVĐ bắn chết vào lúc đó thì biết đâu sự thể ngày hôm nay đã khác đi nhiều !! Chúng tôi xin trích lại đoạn văn Hồi ký đó, dưới đây :

*«... Một vài giai thoại trong hai ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1960 mà ít người biết tới. Đầu tiên là trường hợp cựu đại tá Đỗ Mậu, giám đốc an ninh quân đội. Ông bị đơn vị của đại úy Thừa bắt vào sáng ngày 11 tại Tổng nha cảnh sát công an. **Đại úy Thừa sau khi bắt được ông Mậu đã điện thoại về bộ chỉ huy xin phép được mang ông Mậu ra bắn để làm gương.** Thiếu tá Lợi được tin vội cản lại và yêu cầu Thừa giữ đương sự cho tới khi xong việc sẽ đem ra xử cùng với tất cả chân tay của chế độ trước một tòa án cách mạng. Ông Đỗ Mậu tự coi có chân mạng "sinh vi tướng, tử vi thần" đã thoát chết nhờ ơn cứu tử của ông Lợi. Nếu không thì nền văn hóa Đệ Nhị Cộng Hòa đã cô cút, thiếu sự hướng dẫn của ông phó thủ tướng đặc trách văn hóa xã hội và người Việt đã không có cơ hội đọc cuốn hồi ký chính trị của một bầy tôi trung thành viết về lý do tại sao ông tận tụy phụng sự và sau đó lại lật lại ông Diệm..."*

Mục đích của việc đăng lại Hồi ký VVĐ là để cho chúng ta rút lấy một số kinh nghiệm về người và việc, kể từ khi tập đoàn tay sai Cộng sản quốc tế Hồ chí Minh chủ trương thôn tính miền

Nam bằng vũ lực với bất cứ giá nào đã đưa tới hậu quả chia rẽ, phân hóa, và thù hận đẫm máu ra sao; và tại sao mọi khả năng đi tới sự hòa giải với bọn Cộng sản miền Bắc chỉ là chuyện ảo tưởng mà thôi..

Chúng tôi mong đợi sự đóng ý kiến của quý độc giả khắp nơi.

**Amy-Tan.**

\*  
\*   \*  
\*

## **Hồi Ký Vương văn Đông**

### **Tựa**

Chiến tranh, thời nào cũng có, không nước nào không có, dĩ nhiên không liên tục nổ ra trong cuộc sống hàng ngày nhưng thường xuyên hàm chứa trong văn học, nghệ thuật. Đằng sau tiếng thơ của Homère là những trận chiến ở thành Troie. Danh tiếng nhà thơ la tinh Virgile chỉ trở thành lẫy lừng với những bản anh hùng ca báo hiệu cuộc chiến thắng của Đại đế Auguste. Tam Quốc Chí được đọc say mê không phải vì văn tài của La Quán Trung mà vì cái không khí chiến cuộc sống động tác giả này dựng nên. Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi còn lại gì, nếu bỏ đi các trận đánh quân Minh?

Bảo rằng chiến tranh hiện hữu thường trực trong xã hội Việt Nam là đưa ra một kết luận tổng quát quá mức. Nhưng chỉ nói rằng xã hội này mang trong nó, đời nọ qua đời kia, dấu ấn của chiến tranh thì không đủ. Qua mấy câu thơ Đoàn Thị Điểm dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, người ta thấy rõ, trong tiềm thức của người Việt Nam, chiến tranh gắn chặt với xã hội.

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi  
Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên  
Xanh kia thăm thẳm từng trên  
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này*

Gắn chặt tới mức dường như chiến tranh đã trở thành một định mệnh không biết từ đâu rơi xuống úp chụp cuộc sống. Chiến tranh đã tạo nên một thân phận không thể trút bỏ, cho cả một tập thể, cho mỗi con người. Thế kỷ thứ XVIII, những con người ấy than trách mà nhận chịu sự an bài. Nhưng hơn hai trăm năm sau, hậu bán thế kỷ thứ XX, họ không còn ngửa mặt lên hỏi trời xanh. Họ cúi đầu xuống, nhìn sâu vào lòng mình, vào xã hội, tự chất vấn về thân phận chung. Sinh ra những năm 30, cả một thế hệ vào đời những năm 40 thể nghiệm liên tiếp bốn cuộc chiến tranh, những cuộc "xung đột võ trang, tập thể, có tổ chức và đẫm máu". Một nhà thơ lứa út của thế hệ này lạnh lùng nhìn tương lai của mình:

*Tôi chờ đợi  
lớn lên cùng giông bão  
hôm nay tuổi nhỏ khóc trên vai  
tìm cánh tay nước biển*

Vương Văn Đông thuộc lứa đầu của thế hệ những năm 30. Như bao nhiêu người cùng lứa tuổi, ông bị cuốn hút vào chiến tranh. Ông vẫy vùng, muốn thoát ra khỏi thân phận bi thảm của con người trong vây hãm của chiến tranh. Ý định đoạn tuyệt này bàng bạc trong tác phẩm Binh Biến 11-11-60 của ông. Tuy nhiên ông đã nhận thức rõ, con đường thoát không phải chỉ là "mộng đẹp", là chuyện ước mơ của những thời lãng mạn, tráng sĩ lên đường ra đi không cần tới đích, không hẹn ngày về. Như những mũi tên có bông bấn đi bốn phương. Mà là chuyện xương máu, nước mắt, mồ hôi, thử sức, đua tài, đấu trí của một cuộc vật lộn sinh tử và dai dẳng. Vương Văn Đông mất trọn tuổi thanh xuân, để "khai sơn phá thạch", mở con đường "sạn đạo" của những người dấy nghiệp. Rốt cuộc, một binh nghiệp dang dở chuyển sang một chọn lựa chính trị, cho tới những ngày cuối đời, vẫn chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm. Binh Biến 11-11-60 không phải là một tác phẩm nghệ thuật. Nhưng do nội dung, có thể xếp nó vào loại chống định mệnh, theo nghĩa chữ anti-destin của André Malraux. Nền móng trên đó cuốn sách được cấu tạo là ý định chuyển hóa chiến tranh thành hòa bình, giảm bớt đau khổ, nếu chưa mang lại được hạnh phúc, cho dân chúng. Phải phá vỡ vòng vây trùng điệp và truyền kiếp của chiến tranh để mỗi người lớn lên, đất nước vươn lên. Ông đã tự đặt cho mình một cuộc thách đố, dưới hình thức Mao Trạch Đông gọi là "cuộc chiến tranh tận diệt chiến tranh".

Tập hồi ký Binh Biến 11-11-60 chia ra làm hai phần. Phần I gồm 5 chương được viết xong tại Sài Gòn năm 1964, bổ sung và sửa đổi tại Paris năm 1966. Trong hai chương đầu, tác giả phân tích hai nguyên nhân xa gần đã đưa tới cuộc đảo chính - tác giả gọi là binh biến - 11-11-60. Nguyên nhân xa là bản chất, theo tác giả, phi quốc gia của chế độ có danh xưng quốc gia (Etat du Vietnam) xuất phát từ Hiệp ước Vịnh Hạ Long năm 1948. Nguyên nhân gần là chế độ Ngô Đình Diệm, vẫn theo tác giả, tham nhũng thối nát, bất lực trong cuộc chiến tranh chống cộng. Ba chương còn lại, tác giả đã dùng để tường thuật cuộc đảo chính 11-11-60, từ lúc chuẩn bị qua giai đoạn diễn tiến cho đến hồi kết thúc, thất bại cả về hai mặt quân sự lẫn chính trị: không đánh chiếm được Dinh Độc Lập, không thành lập được chính quyền mới. Phần II, với 7 chương, đã được trước tác 37 năm sau binh biến 11-11-60. Nhìn một cách khiên cưỡng thì phần này là tư tưởng "hậu chiến" của nhà đảo chính Vương Văn Đông. Khiên cưỡng, vì những ý kiến của ông tàn mạn, không tập trung như trong phần I ông đã dành hoàn toàn cho cuộc đảo chính. Chủ đích của tác giả trong chương 1 và chương 2 của phần II là đính chính những sai lầm liên quan đến sự dính líu của nước ngoài vào cuộc đảo chính 11-11-60 và sự lãnh đạo đích thực của binh biến này. Chương 3 mô tả cuộc sống lưu vong ở Phnom Penh của những sĩ quan làm đảo chính. Chương 4 kể lại những ngày tác giả, sau cuộc đảo chính thành công 1-11-63, được "gọi về Việt Nam để chỉ huy Lực Lượng Đặc Biệt" nhưng rồi lại bị lung bắt về tội "trung lập". Các chương 5 và 6 ghi lại sinh hoạt chính trị của người Việt tị nạn tại Paris. Với chương 7, Vương Văn Đông chấm dứt hồi tưởng của mình trong một tâm trạng bi quan về quá khứ nhưng còn mở ngỏ về tương lai.

Nói chung, Binh Biến 11-11-60 chắc chắn sẽ không làm vừa lòng rất nhiều người, nhất là số người đã giữ những vai trò nhất định trong cuộc đảo chính 11-11-60. Vương Văn Đông là một trong những người khởi xướng. Lời nói của ông - người trong cuộc - thời gian đã, và có thể còn kiểm chứng. Dầu sao, có thể vẫn chưa hết những tiếng nặng nhẹ khác nhau nhưng đó chỉ còn là chi tiết thứ yếu của lịch sử. Vì lịch sử không phải chỉ là những gì người ta lựa chọn để ghi chép, lại càng không phải các biến cố, sự kiện được sắp xếp lại, nhào nặn thành một quá khứ hư cấu. Dưới mắt sử gia danh tiếng người Pháp, J. Michelet, lịch sử làm sống lại toàn bộ đời sống nhưng không hề hột trên mặt mà phải xuống sâu tới khắp cơ cấu bên trong. Giáo Hoàng

Léon XIII có hai điều răn về Lịch sử. Thứ nhất không được nói sai, nói dối. Thứ nhì, đừng sợ nói sự thật. Vương Văn Đông, khi khởi xướng cuộc đảo chính, quả thật ông muốn làm lịch sử. Nhưng khi viết hồi ký, ông đã tự giới hạn vào việc nói tiếng nói của người trong cuộc đưa ra một chứng từ đăng ký sự kiện, không thêm hoặc bớt, không pha chế sử liệu về người và việc. Binh Biến 11-11-60 muốn chứng tỏ ông không che dấu hay xuyên tạc khi tường thuật, bộc trực khi phê phán. Người đọc nào cũng có quyền tự do chọn sách. Nhưng Binh Biến 11-11-60 là loại sách chọn người đọc. Trong sự huyền ảo của sách báo tiếng Việt hiện nay ở ngoài nước, tác giả của Binh Biến 11-11-60 muốn nó ra đời không phải để làm cho bầu không khí văn học hải ngoại thêm ô nhiễm mà để đáp ứng nhu cầu rà soát lại tư duy chính trị đã xơ cứng thời 1975. Tư duy của cả trong lẫn ngoài nước, sau 25 năm chịu sự đả lặc của thời gian. Binh Biến 11-11-60 là một tập hồ sơ dẫn nhập cho những ai cảm thấy có nhu cầu đó. Ở mặt này, người đọc sẽ bắt gặp một tư duy chính trị độc đáo và táo bạo trong môi trường Việt Nam.

Trước hết, một tư duy táo bạo do mức độ khen chê người và việc. Trong cả cuốn sách, Vương Văn Đông tấn công suốt mặt phe quốc gia; chỉ trích sơ sài phe cộng sản; tỏ bày thiện cảm với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam; đối thoại chính thức và công khai với Bộ trưởng ngoại giao cộng sản Nguyễn Cơ Thạch v.v...Nếu không trầm tĩnh khi đọc, tự nhiên phải xếp loại ông là "trung lập", là "thành phần thứ ba", một lối nhận định đồng đặc sinh hoạt chính trị vào trong những khuôn ý hệ đối nghịch nhau, trong khi, sự thực, Vương Văn Đông cổ vũ cho việc vượt lên trên những phân chia đó. Ông minh xác không muốn bị đồng hóa với những người quốc gia trên danh nghĩa nhưng phi quốc gia trên thực chất. Ông cũng minh thị chối bỏ cộng sản chuyên chế, lên án bạo lực đã được đưa lên hàng quốc sách. Còn đối với MTGPMNVN, ông không lấy thái độ gây hấn vì theo ông đó không phải là những kẻ đao phủ mà là nạn nhân. Ông thôi, không tiếp tục theo đuổi chiến tranh vì tình thế đã đảo ngược, không còn thích hợp cho tranh chấp võ trang. Người ta tự hỏi nếu chỉ cần có thể thì hà tất Vương Văn Đông phải quá nặng lời chỉ trích phe quốc gia, thậm chí còn chối bỏ nó? Sự bất công này của ông đối với một số bạn đồng ngữ có thể giải thích nếu được đánh giá ngoài những khuôn sáo cũ. Phải chăng vì chính nó đã phá bỏ những khuôn sáo ấy? Phải chăng vì chính nó là hiện tượng con người nổi loạn với chính mình mà Albert Camus đã phân tích bằng triết lý trong cuốn L'Homme révolté (1951)? Vương Văn Đông trước hết đã bất công ngay với bản thân khi ông nổi loạn chống thân phận "quốc gia" của chính ông. Hành động cưỡng lại định mệnh riêng ấy mang ý nghĩa vượt khỏi phạm vi cá thể. Con người quốc gia, trước đe dọa bị điều kiện hóa vĩnh viễn trong quỹ đạo ngoại lực, đã lâm vào thế phải nổi loạn với chính nó để thoát hiểm. Trên đà tự giải phóng ấy, đảo chính là hành động nổi loạn, tự mình thực hiện mình, xuất phát từ một vận động tâm lý hướng tâm, từ ngoại vi trở về trung tâm theo lộ trình "quốc gia lệ thuộc" đi lên "dân tộc độc lập". Một hành động nổi loạn ở cấp độ cao, vượt lên trên vận động của cơ thể hay xung động của tình cảm để thi triển ở tầng ý thức. Một khi nổi loạn đã xâm nhập vào ý thức thì nó phải biểu hiện thành sức mạnh cách mạng. Trường hợp cuộc đảo chính 11-11-60 là một thí dụ.

Mặt khác, cuộc đảo chính 11-11-60 thất bại nhưng chỉ ba năm sau, rút ưu khuyết điểm của sự thất bại này, một nhóm sĩ quan khác đã tổ chức thành công cuộc đảo chính mới, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Mục tiêu quân sự của đảo chính như vậy là đã đạt. Còn mục tiêu chính trị thì sao? Trong tình huống mới, Vương Văn Đông cảm thấy dần dần nổi thất vọng của mình đang trở thành tuyệt vọng. Quân đội, sau binh biến tháng 11-63, đứng ra cầm quyền, khởi đầu gián tiếp, về sau trực tiếp. Chiến cuộc miền Nam ngày càng trở nên khốc liệt, kéo thêm hơn nửa

triệu quân ngoại quốc tới tham chiến. Chính quyền quân nhân, được thiết lập để thay thế chính quyền dân sự, không chứng tỏ có khả năng chấm dứt chiến tranh. Đã vậy, nó còn không ngăn cản được chiến tranh đi vào lý tuyến (logique) của một đối phương đã tự đồng hóa với ngọn cờ cứu quốc, chống ngoại xâm. Lại nữa, vì tình hình nội chính, Hoa Kỳ phải lấy quyết định xuống thang để rút chân ra khỏi vũng lầy, trút hết gánh nặng của cuộc chiến - đã leo thang - lên quân đội miền Nam. Chưa hết, Hoa Kỳ còn ép miền Nam đàm phán trong lúc xung đột vẫn tiếp diễn trên chiến trường. Dự án tái lập hòa bình bằng Hiệp định Paris 1973, ký kết với nhiều ẩn ý giữa tất cả các bên tham chiến, đã bị vô hiệu hóa từ trong trứng nước. Rồi điều không được mong đợi thì lại đến. Tháng 4-1975, miền Nam thất thủ, bộ đội cộng sản vào Sài Gòn, kéo cờ chiến thắng trên Dinh Độc Lập.

Tiếng súng ngưng nổ nhưng chiến tranh không chấm dứt mà được tiếp tục dưới hình thức chính trị bằng bạo lực. Con người nổi loạn trong Vương Văn Đông, không bó tay cúi đầu an phận chịu sự chi phối của cộng nghiệp chiến tranh, một lần nữa lại chỗi dậy. Theo ông, trước những khổ đau chồng chất của hơn một phần tư thế kỷ chinh chiến, không thể có đòi hỏi nào khẩn thiết hơn là phải chấm dứt mọi hình thức chém giết tập thể, đã thành vô nghĩa vì, kéo dài mãi, chúng làm tiêu tan hết mọi cố gắng tập trung năng lượng xây dựng hòa bình cho đất nước. Hòa bình ở đây là hòa bình cụ thể, không phải thứ hòa bình ảo ảnh như trước hay thứ hòa bình nghĩa địa như bây giờ. Chiến tranh không phải là một định mệnh, cũng không phải là thiên tai. Nó chính là một tai họa do con người tạo ra cho mình. Vậy thì con người cũng có thể tự mình từ bỏ chiến tranh. Huống chi chiến tranh và hòa bình chỉ là hai mặt của một thực thể xã hội. Chiến tranh mang trong tự thân nó mầm mống tự hủy để tự chuyển hóa thành hòa bình. Trên nguyên tắc, chiến tranh bao giờ cũng cần có sự biện minh của hòa bình. Bởi thế, hòa bình là cứu cánh của chiến tranh. Nhưng con người thường bị vinh quang hư ảo của chiến thắng quyến rũ nên lại lấy "cứu cánh" hòa bình biện minh cho "phương tiện" chiến tranh thay vì phải tiêu diệt "phương tiện" ấy. Thảm kịch Việt Nam kéo dài triền miên là do sự ngộ nhận về mối quan hệ biện chứng này. Vương Văn Đông thấy đã đến lúc phải vạch trần sự ngộ nhận đó, bất chấp mọi trở ngại ở phía bên này hay phía bên kia, ít ra bằng một thái độ tỏ bày niềm xác tín nơi một giải pháp chính trị có khả năng tiêu diệt chiến tranh dưới mọi hình thức để dọn chỗ cho hòa bình. Do đó, hai người đảo chính, Vương Văn Đông, Nguyễn Huy Lợi còn sống sót trong bộ ba Hồng-Đông-Lợi, 29 năm sau cuộc đảo chính quân sự 11-60 ở Sài Gòn, ngày 21-6-1989 lại tạo nên tại Paris một biến cố không có bề ngoài ngoạ mục nhưng bên trong mang tính chất một cuộc đảo chính chính trị.

Ngày ấy, tại đại sứ quán Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Paris, một phái đoàn người Việt trong đó có Vương Văn Đông và Nguyễn Huy Lợi, nhân danh Phong Trào Xây Dựng Dân Chủ và Phú Cường cho Việt Nam do Nguyễn Huy Lợi cầm đầu, trên một tư thế bình đẳng, đã chính thức họp bàn với Nguyễn Cơ Thạch, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy được phát biểu trong một bầu không khí ôn hòa, dưới những những ngôn từ tránh mọi kích bác, mạ lỵ, bắt chẹt, hăm dọa, các yêu sách phái đoàn đưa ra trên thảm xanh vẫn bao quát đủ và không nhượng bộ những vấn đề cả của quá khứ lẫn của tương lai. Những vấn đề được đặt ra, qua lời phát biểu của Nguyễn Huy Lợi, để giải quyết trên cơ sở tôn trọng nhân quyền là những giá trị căn bản của con người, tạo niềm tin cho quần chúng đối với chính phủ - điều kiện không thể không có - nếu muốn phát triển kinh tế, làm cho đất nước phú cường. Vào thời điểm nó diễn ra, cuộc gặp gỡ này đã được tiếp nhận trong sự nghi ngờ, về phía nhà cầm quyền cộng sản cũng như về

phía cộng đồng người Việt ở ngoài nước. Điều này rất dễ hiểu. Tình trạng chiến tranh vẫn còn được nhà cầm quyền Hà Nội kéo dài trên cả nước, dưới hình thức "chính trị". Thứ chính trị "pháp quyền" với quyền nhất tôn của những quy tắc chiến tranh. Dưới hệ thống chính trị này, bạo lực bất luận đẫm máu hay không đẫm máu, có uy lực đứng trên luật pháp để chi phối tất cả mọi việc (legibus soluta) nên luật pháp chỉ còn là công cụ của bạo lực. Cũng vì vẫn phải đương đầu với một chế độ hầy còn mang đặc tính chiến tranh như thế ở trong nước nên cộng đồng người Việt ở ngoài nước cứ phải cố thủ trong một tình trạng chiến tranh dù đã hết xung đột võ trang.

Hòa bình không xây dựng bằng bạo lực trá hình, chỉ bằng thương tôn luật pháp. Cho nên, đặt vấn đề hòa bình là phải dứt khoát quan niệm hòa bình như một phản đề (antithèse), một phủ định (négation) của chiến tranh. Và trong xã hội Việt Nam hiện tại, nói hòa bình mà không đem được tình trạng pháp trị thay cho tình trạng chiến tranh hay phó sản của nó - chế độ xã hội chủ nghĩa đương hành trong nước - là vẫn chưa thực thụ chấm dứt được chiến tranh.

Ra khỏi vòng luẩn quẩn làm chiến tranh nói hòa bình này sớm lúc nào là rũ bỏ sớm được lúc ấy thân phận của những con người, của cả một nước, thường trực đắm chìm trong chiến tranh. Dưới ánh sáng này, người ta hiểu được vì sao hai quân nhân thất bại trong mưu toan đảo chính quân sự Vương Văn Đông, Nguyễn Huy Lợi còn phải lấy sáng kiến dẫn thân tìm kiếm một hình thức kết thúc hẳn cuộc chiến Việt Nam, một việc mà miền Bắc tuy chiếm miền Nam năm 1975 vẫn không thực hiện được, như thực tế đất nước hơn một thập niên sau đã minh chứng.

Khi nhắc đến cuộc họp ngày 21-6-89 tại đại sứ quán Việt Nam ở Paris, tác giả cuốn Binh Biến 11-11-60 chỉ làm công việc thuần "tự sự", không bàn gì về thực chất đảo chính chính trị của nó.

Ở phía cộng sản, cuối thập niên 80 chế độ trong nước vẫn còn là một nền chuyên chính tập quyền tuyệt đối, không chấp nhận bất cứ một dị biệt ý hệ nào về mặt chính trị. Vậy mà chính quyền Hà Nội đã phải chính thức tiếp nhận trên lãnh thổ của mình (đại sứ quán được coi như một mảnh lãnh thổ ở nước ngoài), trên cấp bậc cao - phía Đảng, Ủy viên BCHT" Đảng CSVN, phía Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng (Phó Thủ Tướng) - một tiếng nói chẳng những khác về ngôn từ mà cả về đường lối chuyên chính. Tiếng nói mang yêu sách đòi thả tù nhân chính trị, xem xét các vấn đề tài sản bị tịch thu, đoàn tụ gia đình, nhân quyền, dân quyền, tự do kinh tế, đồng thuận dân tộc. Quả thật sự hiện diện của Phái đoàn PTXDDCPCVN tại đại sứ quán Việt Nam là một thách thức công khai, một sự xâm nhập ngang nhiên không khác gì sự xâm nhập của các đơn vị nhảy dù Quân Lực VNCH đêm 11-11-60 vào Dinh Độc Lập. Mặc dầu vậy, nhà cầm quyền Hà Nội chẳng những đã không sử dụng được quyền đàn áp mà lại cũng không che dấu được việc phải trực diện với đối lập. Chẳng đợi dừng, thông qua đại sứ quán ở Paris, họ đã cho phổ biến một bản tin trình bày sự việc một cách mập mờ, nước đôi, cốt cho xong chuyện.

Cũng phải nói thêm, ít lâu sau hai cuộc họp ngày 21 và 24-6-89 với PTXDDCPCVN, ông Nguyễn Cơ Thạch bị gạt hẳn ra ngoài guồng máy lãnh đạo cộng sản. Đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên hay là cái giá mà ông Nguyễn Cơ Thạch đã phải trả vì đã đi chệch hướng? Hãy chờ sau này đọc hồ sơ các văn kiện "bảo lưu" của Đảng để biết cho đủ sự thật.

Ở phía đối lập với cộng sản, cuộc họp ngày 21-6-89 có nhiều tác dụng khác nhau. Trước hết, nó tiếp vận tiếng nói những chủ trương về hòa giải, hòa hợp dân tộc chân chính, trên cơ sở nhân quyền, dân chủ tự do đã từng được đề xướng gần mười năm qua. Sau đó, đối với những xu hướng cứng rắn bác bỏ mọi tiếp xúc với cộng sản bất kỳ dưới hình thức xa hay gần, cuộc họp này là một hành động nhằm chứng minh rằng, nếu tạo được điều kiện, vẫn có thể đối đầu với cộng sản mà không nhất thiết phải xung đột bạo động. Riêng đối với dư luận chung, cuộc họp ấy là một bằng chứng sống, cho thấy dù đối lập ôn hòa sẵn sàng hợp tác với họ, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn một mực bám trụ vào chế độ đảng trị độc quyền, nhất quyết không chấp nhận đa nguyên dân chủ.

Tập hồi ký Bình Biên 11-11-60 có đặc điểm là tác giả của nó không giam mình vào dĩ vãng mà ôm ấp hoài bão vươn tới tương lai. Nó là cuộc hành trình dài gần 40 năm của một quân nhân - được đào tạo theo khuôn mẫu tinh thần thượng võ thời cổ La Mã "Ci vis pacem para bellum" (Muốn hòa bình phải chuẩn bị chiến tranh) - khởi đầu chủ trương loại trừ chiến tranh bằng chiến tranh về sau chuyển hướng đi "tìm một giải pháp chính trị để giải quyết chiến tranh, mang lại hòa bình cho đất nước". Táo bạo đề xướng một lối ra như vậy cho tình trạng bế tắc chính trị hiện tại ở Việt Nam, chắc Vương Văn Đông không phải không lưỡng lự trước được những chống đối xuất phát từ cả hai phía, bên này cũng như bên kia lẫn ranh quốc-cộng. Nhưng bản thân ông đã hơn một lần vượt qua lẫn ranh này, tiếp xúc bằng cuộc sống với cả "kháng chiến" lẫn "tự do". Trong cuộc hành trình tìm sự kiện và sự thật này, mỗi quan tâm không ngớt ám ảnh ông về quá khứ đã xoay hướng hẳn về tương lai khi ông nhìn thẳng vào thực trạng xã hội. Nếu bạo lực có tổ chức cứ tiếp diễn "niềm bất hạnh của dân tộc quá lớn", tương lai của người dân chỉ có thể "mịt mù, tăm tối".

Phía những người cầm quyền, bạo lực đã được thể chế hóa thành chuyên chế toàn trị không thời hạn. Phía đối lập, bạo lực không có điều kiện được sử dụng vì nguồn lực chiến tranh đã cạn nhưng vẫn được mơ ước như một phép lạ nhiệm mầu đánh bại chuyên chế. Trong cuộc xung đột ý hệ này, bàn chuyện hòa bình, dưới mắt một số người, là một điều cấm kỵ, dù hòa bình là một dấu mốc ở đằng trước mặt bắt buộc phải đi tới. Hòa bình là một mục đích cao cả. Nếu có những người sẵn sàng hy sinh hết, kể cả tính mạng, cho chiến tranh thì cũng không thiếu gì lý do để có người dám tận hiến cho hòa bình. Với Vương Văn Đông, việc gì cũng phải khởi đầu và nếu lúc này xu thế tất yếu của lịch sử đã là hòa bình thì không có cách nào khác ngoài cách cứ phải tràn qua cấm kỵ mà tiến bước. Viết và cho xuất bản Bình Biên 11-11-60, Vương Văn Đông dường như muốn làm lại cuộc hành quân đêm 11-11-1960, lần này không phải như xưa, tấn công Dinh Độc Lập mà để đánh đổ những thành kiến, thiên kiến tôn sùng bạo lực.

Nhưng Vương Văn Đông khó quên được bài học thất bại của binh biến 11-11-60, một bài học đối với ông rất thấm thía. Mượn kinh nghiệm của người cầm quân lỗi lạc, Nã Phá Luân, "Tất cả bí quyết là ở sự thi hành", ông nghiêm ngặt xét lại việc cũ: cuộc đảo chính 11-11-60 hoàn hảo về mặt kế hoạch nhưng tồi tệ về mặt thi hành. Cho nên nó đã thất bại ngay từ lúc khởi sự. Trong việc ông mưu tìm hòa bình hiện nay, yếu tố quyết định thành công hay thất bại cũng vẫn sẽ nằm ở khâu thi hành. Biết rõ điều này, ông không còn ảo tưởng trong dự kiến về tương lai như ông đã viết: "Chế độ hiện tại ở Việt Nam sẽ có một ngày hoặc biến thể hoặc sụp đổ do nhiều yếu tố. Vấn đề đặt ra cho những chính khách Việt Nam là chế độ tiếp nối có đủ

thiện chí và tinh thần dân chủ và khả năng để giải quyết hàng trăm ngàn vấn đề cùng mức độ ưu tiên, có dứt khoát được với truyền thống và tư duy chuyên chế không?". Đường như giữa những hàng chữ, tác giả Bình Viễn 11-11-60 muốn gửi một thông điệp xác định những điều kiện tất yếu và đầy đủ của nền hòa bình ông cổ vũ. Đó là, thứ nhất, muốn chiến tranh chấm dứt thì tình trạng đối kháng quốc-cộng phải chấm dứt và, thứ hai, tất cả mọi phía phải từ bỏ bạo lực. Suy rộng ra, ở Việt Nam, chừng nào chủ nghĩa Mác Lê-nin còn chiếm giữ ngôi chỉ đạo cho chính trị quốc gia, Đảng Cộng sản còn nắm độc quyền lãnh đạo đất nước, bộ máy đàn áp còn được phối trí theo các điều 45, 46, 47 của Hiến pháp đương hành, thì chuyện từ bỏ bạo lực vẫn chưa được giải quyết để mở ra chân trời hòa bình.

Vương Văn Đông không che dấu tâm trạng "tiêu cực, bi quan" của ông. Với tuổi đời đã cao, ông muốn lùi dần vào hậu trường trong niềm tin nơi vận động hướng tâm của mọi người Việt quay về "Đất nước-Dân tộc" để cùng nhau hội tụ xây dựng "Tự do- Dân chủ". Đọc mấy trang cuối của Bình Viễn 11-11-60, người ta thấy phảng phất nỗi chán chường mà ngòi bút André Malraux, một trong những người viết rất sớm về cách mạng ở phương Đông, đã cho một nhân vật trong cuốn *La condition humaine* (Thân phận con người) biểu lộ: "không phải chín tháng mà sáu mươi năm mới tạo ra được một con người, sáu mươi năm đầy hy sinh, đầy nghị lực, đầy...biết bao nhiêu thứ! Và khi con người ấy đã thành người, khi trong con người ấy chẳng còn dấu vết gì của tuổi thơ ấu, của thời niên thiếu, khi, nó thật là một con người, thì nó chỉ còn một chuyện là từ giã cõi đời". Tâm trạng này đã đi ngược lại sinh khí rất khỏe của cả quyển Bình Viễn 11-11-60.

Bình Viễn 11-11-60 không phải là một kiệt tác. Nó đã nên công hoàn toàn cho một việc và hãy còn bỏ dở một việc. Việc đã xong là mang lại cho các sử gia "sự thật Vương Văn Đông về bình viễn 11-11-60" để dùng làm sử liệu. Việc còn dở dang là thực hiện hòa bình cho đất nước. Về điểm này, tác giả Bình Viễn 11-11-60 tỏ ra đã can đảm lội ngược dòng mà đặt vấn đề. Cho tất cả mọi người. Vì tất cả mọi người. Cách ông nói khi ông đặt vấn đề có thể đã không làm đẹp lòng người nghe. Không chừng vì hình thức này mà cả nội dung bị bác bỏ. Nhưng hòa bình là việc chung. Nó đòi hỏi mọi người đem hết tâm trí mở ra cuộc đối thoại dứt nghiệp chiến tranh, tạo dựng hòa bình. Chiến hay hòa, lựa chọn được, nhưng thái độ phải minh bạch và sáng suốt, phải thích hợp với tình thế và quyền lợi chung. Dưới thời nhà Trần, nghe các bô lão họp Hội nghị Diên Hồng hô quyết chiến, thực là nức lòng. Nhưng các vua nhà Trần chỉ dám quyết chiến khi đã biết chắc rằng quần thần dám quyết tử, vua và dân cùng một lòng. Quan trọng hơn cả, là thấy tiềm lực "mười vạn binh" để giữ châu Hoan, châu Ái chưa suy yếu.

Giấc mơ hòa bình của người Việt Nam đã kéo dài suốt mấy ngàn năm lịch sử. Đến với họ tiếc thay chỉ có một chuỗi ác mộng chiến tranh: nội chiến và ngoại xâm. Dư âm những lời hẹn ước " nghìn năm âu vàng", "giang sơn mở mặt, xã tắc vững nền" vọng qua sáu, bảy thế kỷ vẫn chưa tắt. Chưa bao giờ thấy trên đất Việt Nam có được nền hòa bình đích thực đó. Chỉ toàn những hư chiến giữa hai cuộc chiến !

Bình Viễn 11-11-60 sẽ là tiếng gào thét hòa bình vô vọng của một cựu chiến sĩ hay là hồi kèn xuất quân thúc dục một đội ngũ mới lên đường, chuyển bước tới điểm hẹn với hòa bình những năm 2000, hòa bình của con người dám giã từ bạo lực để vận dụng trí năng, kiến tạo một nước Việt Nam hồi sinh trên những hoang tàn của nghèo đói, thù hận và lạc hậu?

Có thể dự luận nhiều phần vẫn cho rằng tác giả cuốn Bình Biển 11-11-60 đang làm công việc đã trảng xe cát. Bị quan hơn nữa, có người còn nhìn ông như Sisyphé, nhân vật thần thoại Hy Lạp, còng lưng vác đá leo dốc mà không may mắn hy vọng lên được tới đỉnh. Nhờ ở thể tuyệt vọng này mà Vương Văn Đông thăng hoa được hành động nổi loạn của mình chăng? Albert Camus, với cách nhìn coi cuộc vật lộn để lên tới những đỉnh cao tự nó đủ lấp đầy tâm trí một con người, đã gây kinh ngạc khi kết luận về huyền thoại Sisyphé: "Phải tưởng tượng Sisyphé vui sướng". Qua những hàng chữ của Bình Biển 11-11-60 sự thật chỉ hiện ra một Vương Văn Đông không vui sướng. Những chuyến đi trong tâm tư dài cả một đời và trên những đường mòn của Cách mạng, của Lịch sử đã mang lại cho ông sự khám phá ra rằng Cách mạng và Lịch sử không phải là tất cả. Ông còn phải đi tới những gì còn lại, tận cuối đường, "Đất nước, Dân tộc - Tự do, Dân chủ" như ông đã gọi tên. Tức là lại phải leo dốc dứt nghiệp chiến tranh, khởi công việc chưa làm được trong Bình Biển 11-11-60 là rút ra một bài học về thi hành giải pháp hòa bình. Một cách đi sâu thêm vào lý tuyến của cách mạng, từ phá hoại chuyển sang kiến thiết. Để sòng phẳng với cuộc đời, với chính mình. Cho hết một chu kỳ?

Đọc Bình Biển 11-11-60, hiểu rõ thêm cường độ của thảm kịch đất nước, hiểu thấu nỗi u uất của những thế hệ đã bị hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào dòng suy nghĩ đã tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đối chiếu quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung. Thái độ nào -miễn được gắn liền với hành động- cũng có chỗ khả vọng, ngoại trừ sự thờ ơ, tòng phạm khách quan của bạo quyền.

Paris tháng 9-1999

**Trần Thanh Hiệp**